

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12-8-2022  
V/v tranh chấp xác định con cho cha

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21/6/2022 về “Tranh chấp về xác định con cho cha” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Thôn L2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1992. Đăng ký HKTT: Tổ dân phố Q2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Tổ dân phố Đ3, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Trần Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Q2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2022, bản tự khai ngày 21/6/2022, nguyên đơn anh H trình bày: Anh quen biết với chị M năm 2016, sau đó phát sinh quan hệ tình cảm hai bên gia đình đều biết. Khi quen chị M, anh có biết hoàn cảnh của chị M chưa ly hôn chồng là anh Trần Văn K, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố Q2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị M, anh K không hạnh phúc nên hai người sống ly thân nhau từ tháng 01/2014, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Chị M đã làm thủ tục ly hôn với anh K nhưng do anh K không hợp tác nên đến nay chị M chưa ly hôn được. Tháng 01/2018, chị M mang thai con chung với anh đến ngày 26/9/2018 sinh được 01 con gái tại Trung tâm y tế huyện K. Tại giấy chứng sinh của Trung tâm y tế huyện K, chưa điền họ tên dự định đặt cho con. Hiện nay, dự định đặt tên cho con Nguyễn Thị Thu T. Con gái do chị M sinh ra khi chưa ly hôn anh K nên anh H không đứng tên cha để làm giấy khai sinh cho con được. Để có căn cứ làm giấy khai sinh cho con, anh là người làm thủ tục đề nghị giám định ADN để anh với con gái được giám định ADN. Theo kết quả xét nghiệm ADN số 22712GL/ADN ngày 02/6/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền, kết luận anh và con gái sinh ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T có quan hệ huyết thống cha - con. Do vậy, anh giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án: Xác định con gái do chị M sinh ra ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T là con đẻ anh theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2022 và tại phiên tòa, bị đơn chị M trình bày: Thống nhất với anh H về thời gian quen biết, phát sinh quan hệ tình cảm với anh. Trước khi quen biết anh H, chị đã kết hôn với anh Trần Văn K, chị và anh K có 01 con chung Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 10/9/2011. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị và anh K sống ly thân nhau từ tháng 01/2014. Khoảng giữa năm 2017, chị quen biết anh H, anh chị thuê nhà trọ tại quận D, thành phố Hải Phòng chung sống với nhau. Đầu năm 2018, chị mang thai con chung với anh H đến ngày 26/9/2018 chị sinh được 01 con gái tại Trung tâm y tế huyện K, hiện nay dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T. Sau khi sinh con, chị và con gái đã chuyển đến ở cùng nhà với gia đình anh H được gần 01 năm. Hiện tại con gái do chị sinh ra, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T do anh H nuôi dưỡng còn chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Do chị chưa làm thủ tục ly hôn với anh K nên không làm được giấy khai sinh cho con theo quy định của pháp luật. Nay chị nhất trí để anh H làm thủ tục xin xác nhận con cho cha, cụ thể: Đề nghị Tòa án xác định con gái do chị sinh ra ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T là con đẻ anh Nguyễn Duy H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh K vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 21/6/2022, thể hiện: Anh tự nguyện kết hôn với chị Hoàng Thị M năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh và chị M chỉ sinh được 01 con chung Trần Thị Thanh

H1, sinh ngày 10/9/2011. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2013 do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh và chị M sống ly thân nhau từ tháng 01/2014. Thời gian sống ly thân với anh, chị M có quen anh H, người ở thôn L2, xã T, huyện K. Khoảng đầu tháng 01/2018, chị M mang thai con chung với anh H đến tháng 9/2018 chị M sinh được 01 con gái tại Trung tâm y tế huyện K, thành phố Hải Phòng, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T. Nay anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H, xác định con gái do chị M sinh ra, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T là con đẻ anh H. Anh K có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền nhưng chưa chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ, vi phạm quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H là nguyên đơn và anh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 88, 91 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định cháu gái do chị M sinh ra ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T là con đẻ anh Nguyễn Duy H.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Duy H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định con gái do chị Hoàng Thị M sinh ra ngày 26/9/2018 là con đẻ của anh đối với bị đơn là chị M có đăng ký HKTT: Tổ dân phố Q2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Tổ dân phố Đ3, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; anh H và chị M có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện K giải quyết vụ án. Xác định, đây là “Tranh chấp về xác định con cho cha” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và anh K.

*- Về nội dung:*

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị M kết hôn với anh K năm 2010, do tự nguyện tìm hiểu và sinh được 01 con chung Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 10/9/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đến tháng 01/2014 chị M và anh K sống ly thân, không ai quan tâm cuộc sống chung. Trong khoảng thời gian sống ly thân với anh K, chị M quen biết và có quan hệ tình cảm với anh H. Tháng 01/2018, chị M có thai với anh H đến ngày 26/9/2018 sinh 01 con gái tại Trung tâm y tế huyện K. Theo giấy chứng sinh số 19, quyển số 47 ngày 10/8/2022 (cấp lại) của Trung tâm y tế huyện K, chưa điền họ tên dự định đặt cho con, hiện nay dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T. Xác minh tại UBND xã T về mối quan hệ giữa chị M, anh H và các vấn đề khác có liên quan theo yêu cầu của đương sự đều phù hợp với nội dung như đã nêu trên. Tại Kết quả xét nghiệm ADN số 22712GL/ADN ngày 02/6/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền kết luận: Anh Nguyễn Duy H và con gái sinh ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T có quan hệ huyết thống cha - con. Từ những phân tích trên và theo kết quả xét nghiệm ADN, có đủ cơ sở xác định cháu gái sinh ngày 26/9/2018, hiện nay dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T là con đẻ anh H. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc “Xác định con cho cha” như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 88, 91 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 88, 91 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H, xác định: Con gái do chị Hoàng Thị M sinh ra ngày 26/9/2018, dự định đặt tên Nguyễn Thị Thu T theo giấy chứng sinh số 19, quyển số 47 ngày 10/8/2022 (cấp lại) của Trung tâm y tế huyện K, thành phố Hải Phòng và Kết quả xét nghiệm AND số 22712GL/ADN ngày 02/6/2022 của Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền là con đẻ anh Nguyễn Duy H.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu ký hiệu: AA/2021, số: 0002049 ngày 21/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Duy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Chị Hoàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh Trần Văn K có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**